

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH: LUẬT KINH TẾ
MÃ SỐ: 60 38 01 07**

(Ban hành theo Quyết định số 4261/QĐ-DHQGHN, ngày 30 tháng 10 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- *Tên chuyên ngành đào tạo:*

- + Tiếng Việt: Luật kinh tế
- + Tiếng Anh: Economic law

- *Mã số chuyên ngành đào tạo:* 60 38 01 07

- *Tên ngành đào tạo:*

- + Tiếng Việt: Luật
- + Tiếng Anh: Law

- *Trình độ đào tạo:* Thạc sĩ

- *Thời gian đào tạo:* 2 năm

- *Tên văn bằng tốt nghiệp:*

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Luật
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in Law

- *Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:* Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Truyền thụ các kiến thức lý luận, kinh nghiệm thực tiễn và huấn luyện kỹ năng cần thiết cho học viên để học viên có thể trở thành một chuyên gia thành thạo trong lĩnh vực pháp luật kinh tế có khả năng làm việc độc lập hoặc lãnh đạo nhóm tại các doanh nghiệp, các bộ, ngành, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các cơ quan tư pháp và các cơ quan xây dựng pháp luật. Thạc sĩ Luật học chuyên ngành Luật kinh

tế sẽ có được những kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật kinh tế ở Việt Nam và các nước khác trên thế giới để giải quyết một vấn đề tương ứng trong khoa học được nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn công tác, cũng như góp phần phục vụ hoạt động xây dựng pháp luật kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Truyền thụ kiến thức lý luận chuyên về khoa học pháp lý kinh tế trong tổng thể hệ thống pháp luật;
- Phát triển tư duy pháp lý để tiếp cận và giải quyết một cách tốt nhất các công việc nghiên cứu và thực tiễn;
- Huấn luyện một số kỹ năng và chỉ dẫn các cách thức phát triển kỹ năng hoạt động thực tiễn;
- Tích lũy khả năng nghiên cứu ở bậc học tiến sĩ, và khả năng tham gia quản lý, điều hành công việc trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh:

- Môn thi Cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn thi Cơ sở: Lý luận chung về nhà nước và pháp luật
- Môn Ngoại ngữ: Chọn 1 trong 5 thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Luật hoặc phù hợp với ngành Luật;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí dự thi theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và của Khoa Luật.

3.3. Danh mục các ngành ngành phù hợp, ngành gần

- Danh mục các ngành phù hợp: Luật Kinh tế, Luật Kinh doanh; Luật Quốc tế. ✓

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn

- Nắm vững nền tảng triết học, chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có phương pháp luận nghiên cứu khoa học tiên tiến áp dụng vào việc giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành;

- Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Hiểu rõ và vận dụng tốt các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý, các phương pháp tiên tiến trong giảng dạy đại học;

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Có kiến thức pháp lý và thực tiễn mang tính chuyên sâu trong lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo, bao gồm: các kiến thức chuyên sâu về pháp luật thương mại (như: thương nhân, hành vi thương mại, giải quyết tranh chấp kinh doanh, phá sản...); các kiến thức chuyên sâu về pháp luật lao động (như: hợp đồng lao động, tranh chấp lao động, bảo hiểm xã hội, công đoàn...); các kiến thức chuyên sâu về pháp luật đất đai- môi trường (như: sở hữu đất đai, quyền sử dụng đất, thị trường bất động sản, giải quyết tranh chấp đất đai, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, giải quyết tranh chấp môi trường...); các kiến thức chuyên sâu về pháp luật tài chính- ngân hàng (như: ngân hàng trung ương, hành vi thương mại ngân hàng, tiền tệ, tài chính công, tài chính doanh nghiệp...);

- Có khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo các kiến thức pháp lý thuộc chuyên ngành đào tạo vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn đời sống kinh tế;

- Có khả năng viết Luận văn tốt nghiệp. Luận văn phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận

hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Luật kinh tế.

1.2. Chuẩn về năng lực chuyên môn

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

- Có khả năng nghiên cứu, tham luận các vấn đề chuyên sâu về pháp luật kinh tế;

- Có năng lực nhận dạng và giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghiên cứu cũng như sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, tổ chức giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, sử dụng các nguồn lực của cơ quan tổ chức hợp lý;

- Có kỹ năng điều hành, ra quyết định để đương đầu với các tình huống pháp luật trong kinh doanh;

- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ phục vụ công tác chuyên môn, nghiên cứu;

- Có kỹ năng sử dụng các phần mềm phục vụ công tác tra cứu và nghiên cứu;

- Có thể sử dụng ngoại ngữ để tiếp cận thông tin pháp luật nước ngoài; có đủ khả năng ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

- Có khả năng tra cứu, tiếp cận và chọn lọc thông tin nhạy bén, chính xác;
- Có kỹ năng giao tiếp và thực hiện công việc đàm phán và tư vấn luật;
- Có kỹ năng thuyết trình và trình bày các vấn đề một cách logic, ngắn gọn và dễ hiểu;
- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;

Có khả năng viết báo, nghiên cứu cũng như báo cáo khoa học chuyên ngành luật kinh tế.

3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Luôn có ý thức bảo vệ lợi ích, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.
- Có ý thức bảo vệ lợi ích cộng đồng, lợi ích xã hội góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.
- Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ;

- Có phẩm chất đạo đức nhân văn, đạo đức nghề nghiệp của luật gia, có ý thức, lối sống đạo đức, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có bản lĩnh nghề nghiệp và thái độ trung thực, yêu nghề và có trách nhiệm trong công việc;
- Có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ và văn minh;
- Chuyên nghiệp và chủ động, tự tin trong công việc, ý thức trách nhiệm xã hội, có bản lĩnh nghề nghiệp, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; ~~VAT~~

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc;
- Có lòng tự hào đối với nghề luật và dịch vụ pháp lý;
- Trọng chữ tín, có thái độ chuyên nghiệp trong công việc, tôn trọng đồng nghiệp, khách hàng.

4. Vị trí vị việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ Luật học chuyên ngành pháp luật kinh tế, học viên có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng được đào tạo để tham gia và đảm nhiệm ở nhiều cương vị công tác khác nhau như:

- Nhóm 1: Công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật như: Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án, Công an (i); Công tác tại các cơ quan nhà nước, bao gồm các cơ quan đảng và tổ chức chính trị-xã hội (ii); Công tác tại các cơ quan chính quyền các cấp, gồm các cơ quan nhà nước trung ương và địa phương như Chính phủ, các Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, Văn phòng quốc hội (iii).
- Nhóm 2: Công tác giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo về pháp luật, hành chính-chính trị (các trung tâm, viện nghiên cứu về pháp luật, hành chính-chính trị; các trường đại học, cao đẳng (chuyên hoặc không chuyên luật)).
- Nhóm 3: Làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý như luật sư, tư vấn viên trong các công ty, văn phòng luật, văn phòng công chứng trong và ngoài nước; chuyên viên pháp chế trong các cơ quan Nhà nước, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có yêu cầu sử dụng nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, doanh nghiệp.
- Nhóm 4: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế. ✓

5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những phương pháp tiếp cận được cung cấp trong chương trình thạc sĩ, sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và có khả năng tham gia học tập ở bậc học cao hơn (tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo.

Các CTDT luật trên thế giới được thiết kế rất khác nhau, phù hợp với đặc thù của từng quốc gia. Chính vì vậy, khi thiết kế CTDT của mình, Khoa Luật không sử dụng một CTDT để xây dựng CTDT của mình mà tham khảo nhiều CTDT khác nhau. Đối với các chương trình đào tạo trong nước, Khoa Luật đã tham khảo một số các chương trình đào tạo của một số trường như: Trường Đại học luật Hà Nội, Trường đại học luật TP Hồ Chí Minh, Trường Đại học Luật Đà Lạt, Trường Đại học Khoa học Huế, Trường Đại học Kinh tế Luật TP Hồ Chí Minh. Ngoài ra, còn tham khảo một số chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài như: CTDT luật của Đại học Sydney Australia, CTDT luật của Đại học Hồng Kong, CTDT luật của Đại học Quốc gia Singapore.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích luỹ: 64 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung:	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	36 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>16 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>20/47 tín chỉ</i>
- Luận văn:	20 tín chỉ ✓

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	8				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60			
2		Ngoại ngữ cơ bản * <i>Basic Foreign Languages</i>	4	30	30		
	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>(Basic English)</i>					
	RUS 5001	Tiếng Nga cơ bản <i>(Basic Russian)</i>					
	FRE 5001	Tiếng Pháp cơ bản <i>(Basic French)</i>					
	GER 5001	Tiếng Đức cơ bản <i>(Basic German)</i>					
	CHI 5001	Tiếng Trung cơ bản <i>(Basic Chinese)</i>					
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	36				
II.1		Bắt buộc	16				
3	BSL6021	Thương nhân và hành vi thương mại <i>Commerce and Commercial Activities</i>	2	18	6	6	
4	BSL6022	Pháp luật về các quan hệ lao động <i>Labour Relation Laws</i>	2	18	6	6	
5	BSL6023	Pháp luật bảo hiểm xã hội <i>Social Insurance Laws</i>	2	18	6	6	
6	BSL6024	Chế độ pháp lý về quyền sử dụng đất ở Việt Nam <i>Legal Regime of Land Use Rights in Vietnam</i>	2	18	6	6	

✓

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
7	BSL6025	Những vấn đề pháp lý về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh <i>The Legal Issues of Sustainable Development and Green Growth</i>	2	18	6	6	
8	BSL6026	Pháp luật tín dụng ngân hàng <i>Bank Credit Law</i>	2	18	6	6	
9	BSL6027	Pháp luật thuế <i>Taxation Laws</i>	2	18	6	6	
10	BSL6028	Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại <i>Commercial Dispute Resolution laws</i>	2	18	6	6	
II.2	Tự chọn		20/47				
11	BSL6020	Môi trường pháp lý kinh doanh <i>Legal Environment for Business</i>	2	18	6	6	
12	DES6001	Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý <i>Legal Research Methodology</i>	2	18	6	6	
13	DES6002	Phương pháp giảng dạy môn luật bậc đại học <i>Legal Teaching Methods in university</i>	2	18	6	6	
14	BSL6029	Những vấn đề pháp lý về tài chính doanh nghiệp <i>Legal Issues of Corporate Finance</i>	2	18	6	6	
15	BSL6030	Pháp luật về phát hành và giao dịch chứng khoán <i>Laws of Securities Issue and Transaction</i>	2	18	6	6	
16	BSL6031	Pháp luật bảo vệ người lao động <i>Labour Protection Laws</i>	2	18	6	6	
17	BSL6032	Pháp luật về thị trường bất động sản <i>Real Estate Market Laws</i>	2	18	6	6	
18	BSL6033	Pháp luật về tài sản kinh doanh <i>Business Property Laws</i>	2	18	6	6	

✓

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
19	BSL6034	Nhất thể hóa pháp luật hợp đồng trên bình diện quốc tế <i>Unification of International Contract Laws</i>	2	18	6	6	
20	BSL6035	Pháp luật về tranh chấp lao động và đình công <i>Labour Disputes and Strike Laws</i>	3	27	9	9	
21	BSL6036	Pháp luật về giải quyết tranh chấp đất đai- môi trường <i>Land and Environmental Dispute resolution laws</i>	3	27	9	9	
22	BSL6037	So sánh pháp luật về tổ chức kinh doanh <i>Comparative Business Organization Laws</i>	3	27	9	9	
23	BSL6038	Pháp luật về quản trị công ty <i>Coporate Governance Law</i>	2	18	6	6	
24	BSL6039	Pháp luật về cho thuê tài chính <i>Fiancial Leasing Law</i>	2	18	6	6	
25	BSL6040	Pháp luật phá sản <i>Bankruptcy Law</i>	2	18	6	6	
26	BSL6041	Chính sách và pháp luật cạnh tranh <i>Competition Policy and Law</i>	2	18	6	6	
27	BSL6042	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng <i>Consumer Protection Laws</i>	2	18	6	6	
28	BSL6043	Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm <i>Insurance Business Law</i>	2	18	6	6	
29	BSL6044	Pháp luật về công sản <i>Public Property Law</i>	2	18	6	6	
30	BSL6045	Pháp luật về kinh doanh vận chuyển <i>Transaction Business Law</i>	2	18	6	6	
31	BSL6046	Pháp luật về hợp đồng lao động <i>Labour Contract Law</i>	2	18	6	6	

V&A

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
32	BSL6047	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng <i>Compensation for Damage Outside Contract</i>	2	18	6	6	
III	BSL7201	Luận văn	20				
Tổng cộng			64				

Ghi chú: () Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.* ✓